

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 60/2021/DS-ST

Ngày: 27- 12- 2021

V/v Tranh chấp hợp

đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Thanh Tùng

Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử số 97/2021/TB-TA ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu đô thị 5A, Phường B, TPST, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Là chủ hộ Hộ kinh doanh Trường Hải tại địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995; Địa chỉ liên hệ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1948. (có mặt)

Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2021 của nguyên đơn ông Trần Đại H cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày: Vào năm 2017 Hộ kinh doanh Trường Hải do ông Trần Đại H làm chủ hộ có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 thông qua lời nói mà không lập thành văn bản, tiếp đó do cũng cố thêm hồ sơ nên hai bên lập với nhau hợp đồng mua bán ngày 06/3/2018. Bên cạnh đó ông H giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên “Chú 4 Q”.

Theo thỏa Thuận, bắt đầu từ 20/6/2017 bên nguyên đơn bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Q và bà T1. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc phía bị đơn đến lấy hàng tại kho của ông H. Ông Q và bà T1 tiến hành kiểm tra và ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông Q và bà T1 phải thanh toán hết tiền mua hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông Q và bà T1 vẫn không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị ông Q, bà T1 thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Q và bà T1. Sau khi nhận hàng ông Q và bà T1 không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông Q và bà T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể đến cuối vụ tôm ông Q và bà T1 không thanh toán hết tiền hàng cho ông H.

Đến ngày 21/9/2019 thì phía ông Q và bà T1 trả tiền lần cuối là 7.000.000 đồng và không gửi trả lần nào nữa. Theo đó các bị đơn còn nợ ông H số tiền là 544.712.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*). Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông Q và bà T1 trả tiền hàng còn nợ cho ông H nhưng đến nay ông Q và bà T1 vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông Q và bà T1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 trả cho ông H số tiền nợ thức ăn còn thiếu 544.712.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/5/2021 (bao gồm 04 tháng) là 22.696.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm là 567.408.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng*) và tiếp tục chịu lãi phát sinh khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 thanh toán nợ gốc với số tiền là 544.712.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) cho nguyên đơn, không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2021 (BL73) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày. Ông Q thừa nhận là có mua thức ăn nuôi tôm của ông Trần Đại H và còn nợ lại tiền thức ăn của ông H 544.712.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) đúng như nguyên đơn khởi kiện, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho ông H được, nên yêu cầu được gia hạn trả nợ, vì tuổi đã cao chỉ có nuôi tôm sú trúng mới có khả năng trả nợ. Ngoài ra các bị đơn có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi.

Bị đơn bà Lâm Thị T1 đều vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày, nhưng có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn Q chấp hành đúng pháp luật, đối với bị đơn Lâm Thị T1 chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền mua thức ăn còn thiếu là 544.712.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng). Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lâm Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc bà T1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và T1óc thủy sản cho các bị đơn, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc phía bị đơn đến lấy hàng tại kho của ông H, khi kết toán lại thì ông Q, bà T1 còn nợ ông H số tiền 544.712.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn Q thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 544.712.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*).

Xét ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn Q xin gia hạn thời gian thanh toán nhưng không được bên nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với ông Q và bà T1 là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 ông Q và bà T1 được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 544.712.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Lâm Thị T1 liên đới phải chịu án phí là 25.788.480 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do ông Q và bà T1 là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên ông Q và bà T1 được miễn tiền án phí.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.348.160 đồng (mười ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008774 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng

